

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST

Ngày 14-8-2023

V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia
đình - ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hải.

2. Ông Bùi Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ Hải là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2023/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2023, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 299/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ B, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Nơi ở: Số A, đường T, phường M, T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Lê Trung K, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ B, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ liên hệ: Xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng.

(Chị L có mặt, anh K vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh K kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận kết hôn số 35, ngày 20/6/2005.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2013 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và vợ chồng ly thân sống xa nhau từ cuối

năm 2013 cho đến nay. Mặc dù vợ chồng đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không thành. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Nguyễn Thị Kim L yêu cầu được ly hôn với anh Lê Trung K.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là Lê Trung K: Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi văn bản trình bày ý kiến:

Về quan hệ hôn nhân: Anh K thống nhất với chị L về thời gian kết hôn, cũng như mâu thuẫn vợ chồng và vợ chồng ly thân sống xa nhau từ cuối năm 2013 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay Lê Trung K đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim L.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim L yêu cầu được ly hôn với anh Lê Trung K nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là Lê Trung K, có địa chỉ cư trú tại Tổ B, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và theo Văn bản thỏa thuận ngày 14/7/2023 chị L và anh K thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp giải quyết vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn giữa chị L và anh K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn là Lê Trung K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là Lê Trung K.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh K kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng và được giấy chứng nhận kết hôn số 35, ngày 20/6/2005 là hôn nhân hợp pháp.

Theo khoản 1 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, quy định như sau:

“Điều 19. *Tình nghĩa vợ chồng*

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.”

Tại phiên tòa, chị L trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân sống xa nhau từ cuối năm 2013 cho đến nay. Mặc dù vợ chồng đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không thành. Chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Lê Trung K.

Bị đơn là Lê Trung K có văn bản ý kiến trình bày: Anh K thống nhất với chị L về thời gian kết hôn, cũng như mâu thuẫn vợ chồng và vợ chồng ly thân sống xa nhau từ cuối năm 2013 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay Lê Trung K đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim L.

Xét thấy, trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; chị L và anh K đã ly thân sống xa nhau từ cuối năm 2013 cho đến nay và tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được và chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh K; anh K cũng đồng ý ly hôn với chị L. Xét, hôn nhân giữa chị L và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ, chồng không thể kéo dài được, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chị Nguyễn Thị Kim L yêu cầu được ly hôn với anh K là có căn cứ nên chấp nhận. Chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với anh Lê Trung K.

[2.2] Về con chung: Không có nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí về hôn nhân theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Lê Trung K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với anh Lê Trung K.

2. Về con chung: Không có nên Không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí về hôn nhân, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012590, ngày 25/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Chị Nguyễn Thị Kim L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Trung K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thanh Hiền